

# GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐẠI CHÚNG CỦA HOA KỲ - NGUYÊN NHÂN, THỰC TRẠNG, VÀ NHỮNG LƯU Ý CHO VIỆT NAM

Đỗ Thị Diệu Ngọc  
Đại học Dân lập Thăng Long

## Mở đầu

Giáo dục đại học (GDDH) Hoa Kỳ được xây dựng và phát triển dựa trên mô hình GDDH Vương Quốc Anh và đại học nghiên cứu của Đức. Dù ra đời rất muộn so với các mô hình GDDH truyền thống của Châu Âu, GDDH Hoa Kỳ lại phát triển với quy mô và tốc độ được cho là “có một không hai” trên thế giới. Ngày nay, GDDH Hoa Kỳ có nhiều đặc trưng riêng rất đáng lưu ý và học tập, và một trong những đặc trưng đó là quy mô đồ sộ của nó. Theo thống kê của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ năm 2001, Hoa Kỳ có tổng số 6.500 cơ sở đào tạo sau phổ thông, bao gồm 4.200 trường đại học cấp bằng và 2.300 cơ sở đào tạo nghề cấp bằng. 6.500 cơ sở này tuyển khoảng 16 triệu sinh viên chính quy và bán thời gian vào năm 2001, trong số đó sinh viên đại học chiếm 14 triệu, sinh viên sau đại học và chuyên sâu chiếm 2 triệu. Hiện nay, 3/4 sinh viên của Hoa Kỳ được xếp vào nhóm sinh viên *không truyền thống*, tức là họ có một trong những đặc điểm sau: (1) tuổi đời từ 25 trở lên; (2) hoãn thi đại học sau khi tốt nghiệp phổ thông, (3) không có bằng tốt nghiệp phổ thông chính quy, (4) có gia đình, (5) làm việc bán thời gian, (6) làm việc toàn thời gian, và (7) có con cái [1]. Những con số ấn tượng này đã mang lại cho GDDH Hoa Kỳ một tên gọi mới: một nền *giáo dục đại học đại chúng*.

Tại sao chỉ trong một khoảng thời gian tương đối ngắn GDDH Hoa Kỳ đã

đạt được mức độ phổ cập như vậy? GDDH đại chúng Hoa Kỳ có những ưu điểm và nhược điểm nào trong kỷ nguyên toàn cầu hóa hiện tại? Giờ đây khi đã là một thành viên chính thức của WTO trong sân chơi hội nhập, Việt Nam đang từng bước học tập những thành công của các nước khác để đổi mới và hoàn thiện chính mình. Về GDDH nói riêng, Việt Nam đã, đang và sẽ mở cánh cửa ngày một rộng hơn để đón nhận những “nhà cung cấp giáo dục” cũng như những kinh nghiệm quý báu từ các nước có nền GDDH phát triển. Một câu hỏi đặt ra là liệu nền GDDH đại chúng của Hoa Kỳ có thể áp dụng đến mức độ nào cho GDDH Việt Nam với số người có nhu cầu học đại học đang ngày một tăng cao? Bài viết sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi trên để nêu lên một số điểm Việt Nam cần lưu ý khi học tập kinh nghiệm từ GDDH Hoa Kỳ.

## Nguyên nhân dẫn đến nền giáo dục Đại học Đại chúng của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là đất nước có nền GDDH đại chúng sớm hơn bất cứ nước nào khác trên thế giới và đó là một mô hình GDDH hiện đại mà Châu Âu phải học tập. Nền tảng của GDDH đại chúng Hoa Kỳ được xác định là *tinh thần cạnh tranh, tính đa dạng* của các loại trường và *tính đáp ứng cao* đối với thị trường giáo dục [2]. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu mà các nhà học thuật Hoa Kỳ đã xác định có liên quan đến sự ra đời của GDDH đại chúng Hoa Kỳ.

### **1. Sự ra đời của các trường cao đẳng cộng đồng**

Trước khi đề cập đến trường cao đẳng cộng đồng, cần phải nói qua về cơ chế hoạt động kết nối loại trường này với GDDH. Hoa Kỳ đã có một khung tổ chức và cơ cấu cho một hệ thống GDDH đại chúng rất lâu trước khi số sinh viên đạt được mức đại chúng: hệ thống tự chọn môn học, khóa học mô-đun hóa, việc tích lũy và lưu chuyển tín chỉ giữa các trường để tăng tính cơ động cho sinh viên đã tồn tại trước năm 1900. Theo Martin Trow [2], sự thay đổi quan trọng nhất của hệ thống GDDH Hoa Kỳ trong thế kỷ qua là sự phát minh và nhân rộng các trường cao đẳng cộng đồng với tốc độ ra đời một trường một tuần lễ trong giai đoạn 1965-1972. Các trường này rất dễ dàng trong việc liên kết đào tạo với các trường đại học đào tạo bốn năm có cấp bằng thông qua cơ chế chuyển tiếp tín chỉ. Đây là một cơ hội cho những sinh viên có năng lực học tập hay khả năng tài chính thấp lấy được bằng đại học bằng cách “đi vòng”. Ngày nay, 1.075 trường cao đẳng cộng đồng ở Hoa Kỳ đào tạo khoảng 5,5 triệu sinh viên có cấp bằng sau hai năm và một phần ba trong số đó có nhu cầu chuyển tiếp vào đại học 4 năm [3].

### **2. Tác động của các chính sách xã hội**

Từ năm 1900 đến 1950, dân số Hoa Kỳ tăng 100% trong khi số sinh viên đại học tăng 1000% và cứ mỗi 15 năm thì tăng gấp đôi. Tuy vậy tính đến năm 1940 cũng chỉ có 1,5 triệu sinh viên nhập học đại học và các trường đại học đến thời điểm này vẫn được cảm nhận là dành cho giới tinh hoa. Tuy nhiên, Đạo luật Tái điều chỉnh Quân nhân được Tổng thống F.D. Roosevelt ký năm 1944 (Servicemen's Readjustment Act hay GI Bill) đã tăng số sinh viên nhập học gấp đôi trong hai thập niên 1950 và 1960 do 7,8 triệu quân nhân

phục vụ trong Thế Chiến thứ hai được tham gia miễn học phí vào các trường học và các chương trình đào tạo như một sự đền bù cho thời gian quân dịch của họ. Giai đoạn này là bước khởi đầu cho sự đại chúng hóa của nền GDDH Hoa Kỳ [1], [4] và [5].

Chính sách thứ hai có ảnh hưởng đến việc đại chúng hóa nền GDDH Hoa Kỳ là chính sách chống phân biệt chủng tộc và giới tính mang tên Affirmative Action được Tổng thống Kennedy đề xuất năm 1961 và được thực thi từ Tổng thống Johnson trở về sau, làm nền tảng cho các biện pháp bảo vệ quyền lợi của người da đen và phụ nữ, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và tác nghiệp. Trong lĩnh vực giáo dục nói riêng, chính sách này mang lại cho họ không chỉ sự bình đẳng mà còn sự ưu tiên về quyền lợi và cơ hội trong khâu tuyển sinh, xét học bổng, xét nhận trợ cấp, v.v... Mặc dù còn gây nhiều tranh cãi, nhìn chung chính sách này đã và đang đóng góp vào nền GDDH đại chúng của Hoa Kỳ với hơn 3/4 (77%) trong số 3,5 triệu sinh viên nhập học trong thập niên 1970 là phụ nữ, và 61% sinh viên da đen nhập học đại học trong năm 1998 so với 67% sinh viên da trắng [4], [7].

### **3. Nguồn kinh phí đại học đa dạng**

Những nguồn kinh phí chính dành cho GDDH ở Hoa Kỳ gồm có học phí (bao gồm cả tài trợ chính phủ mà sinh viên dùng để đóng học phí) và đóng góp của gia đình, kinh phí dành riêng cho giáo dục của liên bang, tài trợ, các khoản biếu tặng, chương trình vừa học vừa làm của liên bang và địa phương, v.v.... Mức học phí giữa khu vực công lập và tư nhân khác nhau rất đáng kể: từ 3.000-5.000 USD ở trường công và hơn 20.000 USD ở trường tư. Tuy vậy, số sinh viên vào học các trường tư vẫn tăng ngày càng cao do mọi người tin tưởng (và có bằng chứng

xác nhận rõ) rằng sự đầu tư này thường được đền đáp thoả đáng về nhiều mặt. Sự chia sẻ về tài chính này cùng với hệ thống cho vay và trợ cấp không hoàn lại dồi dào từ chính quyền bang và chính phủ liên bang, nguồn thu nhập từ các trường và các nguồn từ thiện, v.v... đã giúp cho một số lớn sinh viên nghèo được vào đại học [1], [8].

#### **4. Các chương trình đào tạo đa dạng**

Như đã nói ở phần trên, một đặc trưng của GDDH Hoa Kỳ là *tính đáp ứng* cao đối với thị trường. Đặc trưng này thể hiện ở việc các trường liên tục bổ sung các chuyên ngành mới, cung cấp các chương trình đào tạo mới. Một ví dụ là các trường đại học có uy tín cao như Viện Đại học Winsconsin cũng mở các chương trình cấp bằng đại học về khoa học gia cầm, truyền thông đại chúng và giáo dục giải trí. Các trường đại học Mỹ nhanh chóng thích ứng với thời đại thông tin bằng cách phát triển các chuyên ngành về khoa học máy tính, công nghệ thông tin và các lĩnh vực liên quan khác. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn có một "cánh cửa luôn rộng mở" cho các đối tượng sau phổ thông thông qua giáo dục thường xuyên. Hệ thống tích lũy tín chỉ giúp một sinh viên không có khả năng tài chính hoãn việc học tập để kiếm tiền, sau đó quay trở lại trường học và được tiếp nhận dễ dàng. Nó cũng giúp cho sinh viên có thể chuyển từ một trường đại học kém uy tín đến một trường có uy tín hơn, từ một ngành học này sang ngành học khác. Nói tóm lại, các chương trình đào tạo của Hoa Kỳ không bao giờ bó hẹp trong khuôn khổ truyền thống mà rất linh hoạt và đáp ứng cao đối với người học [9] và [10].

#### **5. Sự phát triển của ngành công nghệ thông tin**

Thành tựu này biến những điều trước đây vốn là ước mơ của các nhà

giáo dục thành hiện thực: được học tập suốt đời mọi lĩnh vực, mọi nơi và mọi lúc. Với các lớp học ảo, các thư viện ảo ở các trường đại học ảo, công nghệ thông tin có thể giúp một số lượng vô cùng lớn những người có nhu cầu được học đại học theo một cách thức hoàn toàn không truyền thống. Về phương diện phổ cập giáo dục đại học, công nghệ thông tin có một vài trò quan trọng không thể phủ nhận được [2].

#### **Thực trạng của nền giáo dục đại học đại cương ở Hoa Kỳ**

GDDH đại chúng của Hoa Kỳ - cũng như bất cứ một kinh nghiệm nào khác - nên được xem xét từ hai phía trước khi lấy làm nguyên mẫu để cân nhắc liệu nên áp dụng đến mức nào là hợp lý. Sau đây là một số điểm mà các nhà học thuật nổi tiếng của Hoa Kỳ đã đúc kết được từ những kinh nghiệm của họ về nền GDDH.

##### **1. Sự đe dọa đến chất lượng giảng dạy và học tập**

Khi số sinh viên bùng nổ ở một mức độ lớn thì khâu kiểm soát về chất lượng giảng dạy gặp rất nhiều khó khăn. Tỷ lệ giáo viên/sinh viên ngày một giảm và số giờ dạy của giáo viên lại ngày một tăng. Theo nghiên cứu của Quỹ Carnegie vì sự tiến bộ của công tác giảng dạy vào năm 1992, các giáo sư Hoa Kỳ phải làm việc trung bình 18,7 giờ/tuần, kể cả các hoạt động liên quan đến giảng dạy; 2/3 số giáo chức xếp hạng nhiệt tình nghề nghiệp của mình là kém hoặc bình thường và 60% có cảm nghĩ tương tự về ý thức cộng đồng ở các trường đại học của họ. Ngoài ra, để đối phó với tình trạng kinh phí công cấp cho giáo dục bị suy giảm, tỷ lệ giáo chức bán thời gian được tuyển dụng tăng dần trong những năm vừa qua - ước tính khoảng 200.000 người trong cả nước. Họ có rất ít hoặc hầu như không có mối ràng buộc nào đối với trường tuyển dụng và vì thế,

chất lượng giảng dạy tất nhiên không được đảm bảo [4] và [8].

Chất lượng học tập của sinh viên cũng có nhiều thay đổi theo chiều hướng không tích cực. Hiện nay 4/5 sinh viên làm việc khi học đại học - trong đó 1/3 sinh viên làm việc toàn thời gian - để trang trải các chi phí học đại học. Điều này khiến sinh viên mất bớt thời gian và công sức lẽ ra cần đầu tư cho học tập. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn đi làm thêm và sử dụng tiền kiếm được không liên quan đến việc học tập như mua đầu máy CD, TV, bảo hiểm ô tô, v.v... gây nên tình trạng xao nhãng học tập rất đáng tiếc. Ngoài ra, hệ thống tích lũy và chuyển tiếp tín chỉ cũng tạo điều kiện dễ dàng cho sinh viên trong việc hoãn học tập hay chuyển trường, dẫn đến tình trạng giáo viên phụ trách giáo dục đại cương rất khó hoặc không thể truyền đạt cho các sinh viên trong cùng một lớp nhập môn một khối lượng kiến thức chung. Tính linh động và đáp ứng cao của GDDH Hoa Kỳ đối với các sở thích của sinh viên một phần được đổi bằng cái giá của sự thiếu chặt chẽ về tri thức trong chương trình đào tạo [2] và [4].

Sự phát triển của công nghệ thông tin đối với GDDH là một thành tựu quan trọng bên cạnh những khuyết điểm không thể phủ nhận của nó. Khi giá thành của bộ nhớ máy tính và băng thông rộng ngày một giảm thì ngày càng có nhiều sinh viên tham gia vào việc đại chúng hóa GDDH qua Internet hơn. Giáo dục từ xa là một cách đào tạo hiện đại giúp nhiều người hơn có thể tiếp cận nền GDDH ở mọi nơi, mọi lúc tùy theo nhu cầu của họ. Vậy nhưng chất lượng của GDDH từ xa ở Hoa Kỳ là một vấn đề rất đáng quan tâm. Sự ra đời ngày càng nhiều các trường đại học ảo với những chương trình đào tạo được quảng cáo rất hấp dẫn thu hút được nhiều người học, nhưng đi kèm theo đó là sự yếu kém về chất lượng đào tạo, hay tệ hơn là sự lừa

đối. Để bảo vệ người học, Viện Giáo dục Quốc tế Hoa Kỳ ở Việt Nam (IIE) sẵn sàng cung cấp thông tin về chất lượng của các trường đại học, đặc biệt là các chương trình đào tạo từ xa thông qua mạng Internet [5] [9].

## **2. Một nền GDDH được quyết định bởi thị trường**

Nhiều người cho rằng ở Hoa Kỳ, thị trường đã qua mặt cả chính phủ với tư cách là một động lực có ưu thế để định hình nền GDDH, thậm chí đối với cả khu vực GDDH công lập. Một khi kinh phí chính phủ cấp cho giáo dục không đủ thì thị trường tỏ ra rất có ảnh hưởng đối với các trường đại học. Nhiều trường yêu cầu chính phủ cho họ nhiều quyền tự chủ hơn, giám sát ít hơn và thậm chí còn có trường hợp hy sinh cả nguồn kinh phí của chính phủ để đổi lấy quyền tự chủ với lý do là cơ chế và trách nhiệm giải trình hiện tại đã ngăn cản sự hoạt động hiệu quả của họ. GDDH Hoa Kỳ đã trở thành một thị trường của kẻ bán người mua, thậm chí cung vượt quá cầu với những chương trình đào tạo "mở" nhập học không qua tuyển chọn cho cả những đối tượng không đủ năng lực học tập hay không có nguyện vọng vào đại học. Đây là một sự lãng phí vô cùng lớn tiền đóng thuế của người dân mà chính phủ dùng để cấp cho giáo dục và cả sự đóng góp của gia đình khi đầu ra là những sinh viên tốt nghiệp có trình độ không khá gì hơn đầu vào [1].

## **3. Những thách thức phải đối diện**

Với thực trạng nêu trên, GDDH Hoa Kỳ đang phải đối diện với nhiều thách thức: (1) khu vực đại học công lập có xu hướng tư nhân hóa do kinh phí nhà nước ngày càng thu hẹp lại, trong một số trường hợp còn dưới 20%; (2) áp lực đòi hỏi các trường phải được kiểm định công nhận chất lượng và công bố rộng rãi tình trạng được kiểm định đối với khách hàng; và (3) áp lực phải tìm cách tăng hiệu suất và hiệu quả đào tạo như

tăng cường các chương trình đào tạo quốc tế, mở rộng liên kết đào tạo, phát triển nghiên cứu, v.v... Đây là những thách thức nổi bật mà GDDH Hoa Kỳ đang phải tìm cách tháo gỡ để tiến tới một sự cân bằng giữa các lực tác động của thị trường và sự can thiệp của chính phủ để có được một nền GDDH có chất lượng cao và quy mô lớn [1] và [10].

### Một số gợi ý cho Việt Nam

Là một thành viên mới mẻ của WTO, Việt Nam có một thị trường GDDH nhiều tiềm năng đối với các trường đại học nước ngoài có ý định đầu tư, hay còn được gọi là các nhà xuất khẩu giáo dục theo ngôn ngữ thị trường. Hiện nay, nhu cầu đối với GDDH ở Việt Nam là rất cao: 90% học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở thi vào đại học nhưng chỉ 10% được đáp ứng nguyện vọng và tỉ lệ sinh viên/giáo viên của Việt Nam là 28/1. Ngoài ra, khu vực giáo dục đại học theo kiểu du học tại chỗ hay du học tự túc cũng ngày càng phát triển khi mức sống của người dân ngày một tăng cao [9]. Về mặt chính sách, Việt Nam đang có kế hoạch chuyển từ kiểu đào tạo niên chế truyền thống sang đào tạo tín chỉ như mô hình của Hoa Kỳ và thu hút đầu tư của các nhà xuất khẩu giáo dục nước ngoài. Những chuyển biến này là hoàn toàn phù hợp với bước đi của thời đại: hệ thống tín chỉ sẽ rất có hiệu quả cho người học Việt Nam trong cơ chế liên kết, chuyển tiếp giáo dục đào tạo toàn cầu. Tuy nhiên, Việt Nam cần phải học tập và rút kinh nghiệm từ những bước đi của Hoa Kỳ, cụ thể:

1. Đại chúng hóa nền GDDH theo đúng nghĩa, tránh tình trạng phấn đấu để đạt đến một “xã hội học tập” trên danh nghĩa nhưng thiếu thực chất.

2. Hạn chế sự nhập nhằng, lỏng lẻo trong khâu quản lý, kiểm soát chất lượng đào tạo trong nước và nhập khẩu.

3. Kiểm soát chặt chẽ đầu vào GDDH và có những chính sách học phí, trợ cấp phù hợp, tránh tình trạng những tài năng nghèo không được phát triển và lãng phí ngân sách nhà nước vào những chương trình đào tạo không hiệu quả.

4. Đại chúng hóa GDDH không đồng nghĩa với “thương phẩm hóa”, để GDDH không phải là một thị trường xô bồ của người mua thống trị kẻ bán, đánh mất giá trị tôn sư trọng đạo tốt đẹp từ xưa đến nay của nước Việt Nam. ■

### Tài liệu tham khảo:

1. Philip G. Altbach, *Overview of Higher Education in the United States: Diversity, Access, and the Role of the Marketplace*. in “The International Handbook of Higher Education”, J. Forest and P. Altbach (Eds.).
2. Martin Trow (2001), *From Mass Higher Education to Universal Access: American Advantage*, in “In Defense of American Higher Education”, P. Altbach, P. J. Gumpert and D. Bruce Johnstone (Eds.).
3. Arthur M. Cohen (2002), *America's Community Colleges: On The Ascent*. An electronic journal of the U.S. Department of State, Vol. 7, No. 1, June 2002.
4. George D. Kuh, *College students today: Why we can't leave serendipity to chance?* in “In Defense of American Higher Education”, P. Altbach, P. J. Gumpert and D. Bruce Johnstone (Eds.).
5. US Department of Veterans' Affairs *Feature Story: The GI Bill*, online material.
6. Borgna Brunner, *A History and Timeline of Affirmative Action*, online material.
7. *Affirmative Action in College Admissions*. The University of Michigan.
8. Philip G. Altbach, *Harsh Realities: the Profession Faces a New Century* in “American Higher Education in the Twenty-First Century”, Robert O. Berdahl, Philip G. Altbach and Patricia J. Gumpert (Eds.).
9. Lam Quang Thiep (2006), *Issue of Learner Protection for Transnational Higher Education in Vietnam*. International Conference Proceedings.
10. Judith S. Eaton, *Accreditation and Quality in the United States: Practice and Pressures*, in “American Higher Education in the Twenty-First Century”, Robert O. Berdahl, Philip G. Altbach and Patricia J. Gumpert (Eds.).